

BÀN THÊM VỀ CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THỜI TRẦN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHÍ*

Trong những nghiên cứu liên quan đến các cấp chính quyền địa phương thời Trần, còn có những ý kiến chưa thống nhất ở hai vấn đề. Thứ nhất, là các cấp chính quyền thống thuộc nhau. Thứ hai, là quy mô của cấp hương. Có người cho rằng, quy mô của cấp hương thường chỉ gồm địa hạt một xã (1). Trong sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* lại chú thích rằng, hương là làng thời Trần (2). Tác giả Đào Duy Anh cho rằng phủ Thiên Trường (được chuyển lên từ hương Tức Mặc), bao gồm 4 huyện Mỹ Lộc, Giao Thủy, Tây Chân, Thuận Vi (3). Nhưng cũng có ý kiến cho rằng: "Chính quyền hương, sách, xã là cấp cuối cùng trong hệ thống đơn vị hành chính ở địa phương... dưới hương, sách là các làng, thôn hay trang" (4). Trong sách *Lịch sử Việt Nam*, tập I chỉ nhắc tới cấp lộ (phủ), châu, huyện mà không nhắc tới cấp hương: "ở các địa phương, bộ máy hành chính được xây dựng thành một hệ thống chặt chẽ. Tại các cấp lộ (hay phủ), châu, huyện, các quan lại hành chính đồng thời phụ trách cả việc tư pháp, xét xử tội phạm. Đơn vị hành chính cơ sở là xã..." (5). Trong *Lời thưa của Cương mục* đã phán đoán rằng: "Có lẽ quy chế nhà Trần, những phủ,

châu, trấn thì thống thuộc cả vào lộ" (6). Bài viết này, tôi cố gắng làm rõ hơn các cấp chính quyền địa phương như: lộ-phủ-trấn-châu và hương, huyện, xã.

Chính quyền cấp lộ - phủ - trấn

Sau khi lên nắm chính quyền một thời gian, vào năm 1242, nhà Trần thực hiện cải cách về tổ chức hành chính, chia cả nước thành 12 lộ trên phạm vi 24 lộ thời Lý. Đại Việt sử ký toàn thư (từ đây xin viết tắt là ĐVSKTT) không chép tên các lộ nhưng trong *Cương mục* chép tên 12 lộ như sau: "Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hóa, Hoàng Giang, Diễn Châu" (7). Cùng với việc biên chép 12 lộ, *Cương mục* còn nêu ra 4 phủ, châu, trấn là Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên, Lạng Giang. Dựa vào *An Nam chí lược* của Lê Tắc thì thời Trần có 15 lộ. Danh sách các lộ như sau:

1. Đại La thành lộ: gồm miền Hà Nội và miền hữu ngạn sông Hồng đến sông Đáy.
2. Bắc Giang lộ: miền Bắc Ninh, Nam Bắc Giang.
3. Nam Sách Giang lộ: gồm miền Đông Triều, Quảng Yên, Kiến An.

* PGS.TS. Viện Sử học

4. Khoái lộ: miền Hưng Yên.
5. Hồng lộ: miền Hải Dương.
6. Như Nguyệt Giang lộ: miền lưu vực sông Cầu, Yên Thế, Thái Nguyên.
7. Đà Giang lộ: miền Hưng Hóa.
8. Quy Hóa Giang lộ: miền Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai.
9. Tuyên Hóa Giang lộ: miền Tuyên Quang, Bảo Lạc, Bắc Cạn.
10. Lạng Châu lộ: miền Lạng Sơn, Bắc Bắc Giang.
11. Đại Hoàng lộ: miền Nho Quan, Ninh Bình.
12. Thanh Hóa phủ lộ: miền Thanh Hóa.
13. Diễn Châu phủ lộ: miền Diễn Châu, Yên Thành.
14. Nghệ An phủ lộ: miền Nghệ An, Hà Tĩnh.
15. Bố Chánh châu lộ: miền Quảng Bình" (8).

Lê Tắc soạn *An Nam chí lược* vào năm 1335, các địa danh nêu trên hầu hết được chép là phủ lộ, châu lộ (lưu ý là không có gạch nối giữa phủ lộ và châu lộ). Và, địa danh miền biên viễn là Bố Chánh châu lộ, tức miền Quảng Bình ngày nay. Như vậy, những địa danh này tồn tại trước năm 1306, khi chưa có hai châu Ô (9), Lý (10) -

sính lễ cưới công chúa Huyền Trân của vua Chế Mân. Danh sách này nếu đối chiếu với sách *Cương mục* thì có một số lộ như Quốc Oai và Trường Yên, Hải Đông, Long Hưng không thấy Lê Tắc chép. Và, trong 15 địa danh nêu trên thì có 7 địa danh gọi là "lộ", 4 địa danh gọi là "giang lộ", 3 địa danh gọi là "phủ lộ" và 1 địa danh là "châu lộ" (Xem bảng 1).

Tác giả Đào Duy Anh trong tác phẩm: *Đất nước Việt Nam qua các đời* đã "tạm lập danh sách các phủ lộ vào cuối đời Trần như sau: 1. Lộ Đông Đô, 2. Lộ Bắc Giang, 3. Lộ Lạng Giang, 4. Lộ Lạng Sơn, 5. Phủ lộ Thiên Trường, tức lộ Sơn Nam, 6. Lộ Long Hưng, 7. Lộ Khoái Châu, 8. Phủ lộ Kiến Xương, 9. Lộ Hoàng Giang, phủ Kiến Hưng, 10. Trấn Thiên Quan, 11. Phủ lộ Tân Hưng, 12. Lộ Hải Đông, 13. Lộ Tam Giang (xứ Thanh?), 14. Trấn Quảng Oai, 15. Trấn Thiên Hưng, 16. Trấn Thanh Đô, 17. Trấn Vọng Giang, 18. Trấn Tây Bình, 19. Trấn (lộ?) Thuận Hóa, 20. Lộ Thăng Hoa" (11). Thực ra, lộ Thăng Hoa là thuộc thời Hồ, do vua nước Chiêm Thành dâng đất Chiêm Động để xin rút quân vào năm 1402. Nên, các lộ thời Trần không kể lộ Thăng Hoa thì còn 19.

Có thể thấy, trong số 19 địa phương nêu trên thì có 9 địa phương được gọi là "lộ", 3

Bảng 1: Thống kê cáo lộ, giang lộ, phủ lộ, châu lộ thời Trần

| Stt | Lộ | Giang lộ | Phủ lộ | Châu lộ |
|-----|-----------|------------|-----------|----------|
| 1 | Đại La | Như Nguyệt | Thanh Hóa | Bố Chánh |
| 2 | Bắc Giang | Đà | Diễn Châu | |
| 3 | Khoái | Quy Hóa | Nghệ An | |
| 4 | Hồng | Tuyên Hóa | | |
| 5 | Lạng Châu | | | |
| 6 | Đại Hoàng | | | |

địa phương gọi là "phủ lộ", 7 địa phương gọi là "trấn" (Xem bảng 2).

Điều cần nhấn mạnh là, sử cũ chỉ cho biết 12 lộ, còn sự lệ thuộc các cấp hành chính thì không thấy chép.

Thời Trần, chính quyền cấp lộ có lúc gọi là lộ phủ, có lúc gọi là lộ trấn, có khi gọi là châu lộ nhưng đa số được gọi là lộ như thống kê trên đây. Đến cuối thời Trần, năm Quang Thái thứ 10 (1397), thì nhà nước tiến hành đổi cấp lộ làm trấn. Từ đây trở đi cấp trấn mới chính thức sử dụng rộng rãi. Như vậy, theo tôi trước năm 1397, cấp lộ, phủ hay trấn, châu là cấp chính quyền tương đương nhau (lộ = phủ = trấn = châu), chứ hoàn toàn không phải là cấp chính quyền thống thuộc nhau.

Nhà Trần thực sự coi trọng cấp chính quyền lộ-phủ-trấn-châu. Khi vua Thái Tông lên ngôi, đã cử nhân vật tâm cơ của triều Trần là Thái sư Trần Thủ Độ làm tri phủ Thanh Hoá: "*Thống quốc thái sư, tri Thanh Hoá phủ sự*", Thái phó Phùng Tá Chu làm tri châu Nghệ An (12), được quyền phong tước cho người khác. Phan Huy Chú chép: "Đầu nhà Lý đặt các chức tri phủ, phán thủ. Đầu nhà Trần noi theo, đặt tri phủ ở các phủ" (13). Các đời vua sau như

Trần Thánh Tông (ở ngôi: 1258-1278), Trần Nhân Tông (ở ngôi: 1279-1293), Trần Anh Tông (ở ngôi: 1293-1314) cũng đều dùng các thân vương đi trấn trị các phủ lộ quan trọng như Thanh Hóa, Diễn Châu, Nghệ An. Thái úy Trần Nhật Duật được cử đi trấn trị ở châu Ái (Thanh Hóa), Phiêu kỵ Thượng tướng quân Trần Quốc Khang coi châu Diễn. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải quản châu Nghệ An. Đến năm 1397, cuối Trần, "Đổi trấn Thanh Hóa thành trấn Thanh Đô, trấn Quốc Oai (14) làm trấn Quảng Oai, trấn Đà Giang làm trấn Thiên Hưng, trấn Nghệ An làm trấn Lâm An, trấn Trường Yên làm trấn Thiên Quan, trấn Lạng Giang làm trấn Lạng Sơn, trấn Diễn Châu làm trấn Vọng Giang, trấn Tân Bình làm trấn Tây Bình..." (15).

Đối với địa phương có hải cảng, nhà Trần đặc biệt coi trọng. Trong đó hải cảng Vân Đồn (16) được nhà nước bảo vệ nghiêm ngặt, không chỉ đặt ra chức quan trấn, lộ mà còn có cả đội quân chuyên đóng giữ bảo vệ Vân Đồn gọi là quân Bình Hải. Tư liệu được chép trong *ĐVSKTT* như sau: "Tháng 11 năm Kỷ Sửu (1349), đặt quan trấn, quan lộ và sát hải sứ ở trấn Vân Đồn; lại đặt quân Bình Hải để đóng giữ. Trước kia

Bảng 2: Thống kê các lộ, phủ lộ, trấn thời Trần

| Stt | Lộ | Phủ lộ | Trấn |
|-----|-------------|--------------|------------|
| 1 | Đông Đô | Thiên Trường | Thiên Quan |
| 2 | Bắc Giang | Kiến Xương | Quảng Oai |
| 3 | Lạng Giang | Tân Hưng | Thiên Hưng |
| 4 | Lạng Sơn | | Thanh Đô |
| 5 | Long Hưng | | Vọng Giang |
| 6 | Khoái Châu | | Tây Bình |
| 7 | Hoàng Giang | | Thuận Hóa |
| 8 | Hải Đông | | |
| 9 | Tam Giang | | |

về thời nhà Lý, thuyền buôn đến thì do các cửa biển Tha, Viên ở châu Diên (có 3 là cửa Thoi và cửa Quên), đến nay đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, phần nhiều thuyền buôn đỗ ở Vân Đồn, cho nên có mệnh này" (17). Vấn đề đặt ra ở đây là, tại sao nhà Trần lại đặt cả hai chức quan trấn và quan lộ ở Vân Đồn. Hai chức quan này là thế nào? Thực ra, quan trấn là do võ tướng chỉ huy và quan lộ là do quan văn cai trị. Một người chịu trách nhiệm về quân sự, một người chịu trách nhiệm về dân sự do tầm quan trọng của hải cảng Vân Đồn. Và, trấn, lộ ở đây là có ý nghĩa như vậy.

Chức quan đứng đầu cấp lộ là An phủ sứ hoặc Trấn phủ sứ chánh, phó, chức này được đặt năm 1242. "Mùa Xuân, tháng 2 năm Nhâm Dần (1242) chia nước làm 12 lộ đặt chức an phủ hoặc trấn phủ chánh phó hai viên để cai trị" (18). Đến năm 1244, được đổi thành tri phủ, thông phán, *ĐVSKTT* chép: "Giáp Thìn, năm thứ 13. Mùa Xuân, tháng Giêng, chia sai các văn thân đi trị nhậm các phủ lộ trong nước, phân 12 nơi, phủ có tri phủ, lộ có thông phán, châu có tào vận sứ và phó sứ giữ việc vận chở" (19). Như vậy vẫn là 12 nơi có nghĩa là 12 đơn vị hành chính kể trên được gọi là phủ, lộ, trấn, châu, nhưng chức quan lại có những tên gọi khác. Ngoài ra, một số công việc thuộc cấp lộ như đề điều có chức Hà đề chánh phó sứ như quy định năm 1255 (20).

Những ghi chép trong chính sử kiểu như: "phủ lộ", "lộ", "trấn". *Phủ* đứng trước *lộ*, như thế, không có nghĩa là cấp *phủ* cao hơn cấp *lộ* mà ở đây nó có ý nghĩa như là sự *đồng cấp* ở thời Trần mà thôi. Phan Huy Chú chép: "Bấy giờ (thời Trần - TG. chú) còn lấy trấn làm phủ" (21). Đến năm 1397, trong quá trình định quy chế về quan ngoài, nhà Trần mới chính thức đề ra: "*Lộ*

coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện" (22), bãi các chức đại tiểu tư xã nhưng vẫn để chức quản giáp. Đồng thời, "đặt các phủ đô đốc, đô hộ, đô thống, lổng quản và ty thái thú để trông coi" (23). Nếu nghiên cứu chính quyền cấp địa phương mà không lấy thời gian làm hệ quy chiếu thì rất dễ dẫn đến nhầm lẫn như một vài tác giả (24), tức coi lộ-phủ-trấn-châu là cấp chính quyền thống thuộc (trước 1397).

Đến năm 1244, các viên quan cai quản cấp lộ-phủ-trấn-châu không phải là quý tộc tôn thất như trước nữa mà là các văn thân như tu liệu đã dẫn ở trên. Đặng Xuân Bảng trong *Sử học bị khảo* đã khảo xét các chức quan thời Trần. Tác giả không chỉ khảo xét các chức quan ở cấp lộ-phủ-châu-huyện như Phan Huy Chú mà còn xét tới cấp trại, xã (25).

- Chính quyền cấp châu

Theo sử cũ, cấp *châu* có từ thời họ Khúc. Năm 907, Khúc Hạo lên thay cha (Khúc Thừa Dụ-mất năm 906) làm Tiết độ sứ, lập ra lộ, phủ, châu, xã. Các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê sau đó, sử cũ không cho chúng ta biết rõ cách phân chia đơn vị hành chính cụ thể ra sao. Chỉ biết rằng, nhà Đinh đặt Thập đạo quân. Nhà Tiền Lê chia 10 đạo làm lộ, phủ, châu. Thời Lý chia 10 đạo làm 24 lộ. Riêng Hoan châu, Ái châu là đất biên viễn nên đặt làm trại. Đến thời Trần, dựa vào *Cương mục* thì có 12 lộ và 4 phủ, châu, trấn. Theo *An Nam chí lược* của Lê Tắc thì có 15 lộ. Trong đó, đa số là danh sách các lộ, chỉ có một số châu nhưng vẫn được ghi là *châu lộ* như: Lạng châu lộ (miền Lạng Sơn, Bắc Bắc Giang); Bố Chánh châu lộ (miền Quảng Bình). Nếu theo ghi chép của Lê Tắc thì "châu" là cấp ngang với "lộ". *ĐVSKTT* cũng chép đến một số châu như: Phiêu kỵ Thượng tướng quân Trần Quốc

Khang coi *châu Diển*. Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải quản *châu Nghệ An*.

Đến năm 1397, dưới thời vua Trần Thuận Tông, cả nước thống nhất gọi là chính quyền địa phương cao nhất là "lộ". Dưới lộ là các phủ. Dưới phủ là các châu. Dưới châu là các huyện và không có cấp hương và xã (lộ-phủ-châu-huyện). Như vậy, đến đây, cấp châu ở miền núi và biên viễn từng tương đương với cấp lộ-phủ thì giờ đây là cấp thứ ba-dưới cấp phủ, lộ (lộ coi phủ, phủ coi châu).

- Chính quyền cấp hương

Cấp hương tồn tại khá phổ biến ở thời Trần. Đầu thời Trần gọi là giáp, đến năm 1297, nhà Trần đổi *giáp* làm *hương* (26) (Quốc hương, Bạch Hạc hương, hương Tinh Cương, hương Tức Mặc...). Sách *Cương mục* cũng chép là sau kháng chiến chống Mông - Nguyên thắng lợi, nhà Trần cho duyệt định dân binh trong cả nước. "Các châu chỗ nào trước là giáp, nay đổi thành hương" (27). Nhưng trên thực tế, cấp hương đã được dùng phổ biến từ thời Lý (hương Siêu Loại ở Bắc Ninh, hương Băng Sơn ở châu Ái (Thanh Hóa ngày nay) chẳng hạn...) và nó được đặt ra từ thời Đường (năm 622) (28). Mặc dù, đến năm 1297, cấp *hương* chính thức thay thế cho cấp *giáp*, nhưng cấp hương đã được ghi chép trong chính sử từ trước đó, năm 1239: "Mùa Xuân, tháng Giêng, lại cho Phùng Tá Chu chức Nhập nội Thái phó, sai về *hương Tức Mặc* (TG. nhân mạnh) dựng cung điện nhà cửa" (29). Quân lính thì gọi là "*hương binh*" thổ hào. Bò lão ở các hương, gọi là "*hương lão*" (30).

Đơn vị hành chính cấp *hương* thời Trần khá lớn. Theo tư liệu văn bia, minh chuông thì dưới cấp *phủ*, *lộ* là *hương* rồi đến *xã*. Theo bài minh chuông chùa Chiêu Quang (*Chiêu Quang tự chung minh*) do Trạng nguyên Hồ Tông Thốc soạn năm Xương

Phù thứ 9 (1385) cho thấy rõ dưới cấp *lộ* là cấp *hương* rồi đến cấp *xã* (31).

Văn bia "*Đại Việt quốc Bình Hợp hương, Thiệu Long tự bi*" ở thôn Miếu, xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ, Hà Nội được khắc vào đầu thời Trần thì hương Bình Hợp khá lớn, gồm phạm vi lãnh thổ các xã Tam Hiệp, Tam Thuấn, Hiệp Thuận, Liên Hiệp thuộc huyện Phúc Thọ ngày nay, tương ứng với hai tổng Thượng Hiệp và Hạ Hiệp của huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai thời Nguyễn (32). Theo "*Gia phả họ Đình*" (ở Nông Cống, Thanh Hóa) thì *hương* Lam Sơn (còn gọi là sách Khả Man, Khả Lam) quê hương Mường Việt của Lê Lợi và nhiều công thần khai quốc thời Lê Sơ, vào cuối Trần đến thuộc Minh bao gồm 11 thôn: Như áng, Thụ Mệnh, Hương Dương, Giao Xã, Bi Ngụ, Đức Trai, Nguyễn Xá, Dựng Tú, Sơn Lạc, Một Viện, Lũng Nhai. Hương Lam Sơn này là một vùng đất rộng lớn, ngày nay có phần đất trên các huyện Thọ Xuân, Thường Xuân, Ngọc Lặc của tỉnh Thanh Hóa. Theo bài minh ở Thông Thánh quán thời Trần thì Bạch Hạc (cả vùng Việt Trì) là "*hương*". Văn bia chùa Hưng Phúc (Hưng Phúc tự bi) soạn năm 1324 (ở Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày nay) đã ghi cấp *phủ* rồi đến *hương*: "*Phủ Thanh Hóa, hương Yên Duyên*" (33). Như vậy, dựa vào tài liệu trong chính sử cùng tư liệu minh chuông và bi ký, thì cấp chính quyền hương là sau cấp *lộ* (hay *phủ*). Cấp "*hương*" thời Trần có thể tương đương với cấp *huyện* thời sau (34). Cùng chung ý kiến đó, theo các tác giả Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn thì cấp "*hương*" thời Trần tương đương với cấp *huyện* ngày sau. Theo chúng tôi, cấp *hương* thời Trần có thể không bằng cấp *huyện* hiện nay nhưng nó có thể tương đương với phạm vi bốn, năm xã. Hương lớn như thế nên thể lực của những người đứng đầu *hương* cũng

rất lớn. Quốc hương là do Trần Thủ Độ cai quản, hương Vạn Kiếp là do Trần Quốc Tuấn cai quản như ghi chép trong DVSKTT: "Thời Trần các vương hầu đều ở phủ đệ ở *hương* của mình như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quốc hương, Quốc Chân ở Chí Linh...". Một số văn bia thời Trần cho biết người đứng đầu hương là *công chúa*, là các *đại liêu ban*. Văn bia "*Bạch Hạc Thông Thánh quán chung kỳ*" khắc vào năm Đại Khánh (1314-1324) có ghi: "Trưởng công chúa Thiên Thụy, con gái cả vua thứ ba là Thánh Tông là người cai quản dân hương Bạch Hạc, đã từng bỏ của nhà, mua gỗ lạt sửa sang đến như mới. Sau khi trưởng công chúa Thiên Thụy qua đời, dân cư, đất đai hương này đều thuộc quyền cai quản của trưởng công chúa Thiên Chân, con gái cả vua thứ năm là Anh Tông hoàng đế..." (35). Hương Bạch Hạc nay là Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Văn bia "*Hưng Phúc tự bi*" ở xã Quảng Hùng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa khắc dựng năm Khai Thái (Giáp Tý - 1324) cho biết hương Yên Duyên thuộc phủ Thanh Hóa đều do quan Thượng tướng mình tự Lê Công An và Đại toát Lê Bào Tử, Đại toát Lê Bằng cai quản (36).

Ở vài trường hợp dưới *hương* là *trường*, *giang* như Văn bia *Sùng Khánh tự bi* minh *tính tự*, năm 1367 (Đạo Đức, Vị Xuyên, Tuyên Quang) chép: "Nay có ngôi chùa Sùng Khánh ở hương Hoàng Nông, giang Thông, trường Phú Linh là do chú của phụ đạo họ Nguyễn, tên là Ấn, tự là Văn Giác sáng lập ra" (37).

Ở miền núi, cấp tương đương với *hương* gọi là *sách*, *động*. Có nơi dưới *sách* là *giang* như trong văn bia *Phật tích sơn Từ Đạo Hạnh pháp sư diễn địa kế chí* chép Đà giang, Di Mang sách (sách Di Mang, giang Đà) (38).

Cũng theo minh chuông ta còn biết thêm đơn vị hành chính có tên gọi là "*kiểu*" [幟]. Bài minh khắc trên *Chuông chùa Sùng Quang*, xã ý Lan, kiểu Ma Lãng, lộ Hồng (Hồng lộ Ma Lãng kiểu ý Lan xã Sùng Quang tự chung minh). Chữ "*kiểu*" trong "Ma Lãng kiểu" là đơn vị hành chính lớn hơn xã (39), có thể tương đương với cấp "hương" chăng?. Nhưng vì sao gọi là kiểu thì còn phải tiếp tục nghiên cứu.

Điểm đặc đáo của thời Trần là cấp chính quyền "*hương*" không chỉ đơn thuần là phạm vi đất đai mà nó là cấp hành chính liên quan đến phạm vi hay quy mô của thái ấp (đất phong cho các vương hầu quý tộc), liên quan đến những vị trí trọng yếu của đất nước trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.

- Chính quyền cấp huyện

Về đầu thời Trần chưa rõ. Theo Phan Huy Chú: "Chức tri huyện về đời Lý đời Trần chưa rõ" (40). Đến năm 1397, mới chính thức đặt ra chính quyền cấp huyện. Sử chép: "Mùa Hạ, tháng Tư năm Đinh Sửu (1397), Định quy chế về quan ngoài... huyện đặt lệnh úy, chủ bạ để cai trị. Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện" (41).

- Cấp chính quyền xã

Theo sử cũ, cấp xã được đặt từ thời Khúc Hạo (907). Đến thời Trần, chức quan cấp xã có: Đại tư xã (còn gọi là Đại toát) phải từ Ngũ phẩm trở lên và Tiểu tư xã (còn gọi là Tiểu toát) phải từ Lục phẩm trở xuống (42). Ngoài ra có các chức xã chính, xã sử, xã giám gọi chung là xã quan. Sử chép, năm 1242, cùng với việc chia cả nước làm 12 lộ thì chức quan ở cấp xã quy định: "Các xã, sách thì đặt chức Đại, Tiểu tư xã, từ ngũ phẩm trở lên là Đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là Tiểu tư xã, hoặc có người kiêm 2,3,4 xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám, gọi là xã quan" (43). Phan Huy Chú ghi rõ

trong mục *Xã quan* là: "Đầu nhà Trần, Thái Tông bắt đầu đặt (các chức) đại (tu xã), tiểu tu xã, (quan từ) ngũ phẩm trở lên là đại tu xã, lục phẩm trở xuống là tiểu tu xã cùng với xã trưởng, xã giám đều là xã quan, giữ việc làm hộ tịch, chức vị cũng xem là quan trọng. Các đời sau noi theo không đổi. Đến Thuận Tông, trong đời Quang Thái, mới bãi chức xã quan" (44). Đến cuối đời Trần, năm 1397 nhà Trần ra lệnh: "*Bãi các chức đại tiểu tu xã, chức quản giáp vẫn để như cũ*" (45). Như vậy, đến năm 1397, chức quan cấp xã chính thức bị bãi bỏ nhưng vẫn để chức quản giáp.

Mặt khác, theo tư liệu văn bia ta có thể biết thêm một số chi tiết khá thú vị về một số chức danh thời Trần mà không được ghi chép trong chính sử như trong nội dung *Bia xã Ngọc Đình (Ngọc Đình xã bi)* đặt tại xã Ngọc Đình, tổng Thủy Cam, phủ Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội). Bia ghi rõ niên hiệu ngày 15 tháng 5 năm Ất Mão niên hiệu Long Khánh 3 (1375), đời vua Trần Duệ Tông. Ví dụ: về hành chính có chức *Phó hạt*, chức *Xã chủ*. Về quan Thị vệ, có các chức *Thị vệ thủ đầu phẩm*, *Thị vệ nhân dưng thủ mạo phục*, *Ngự tiền tuyển hợp*. Về văn chức, có các chức: *Thư gia*, *chi hậu thư gia*, *Thư sử*, *thư bạn*; Có tổ chức âm nhạc Thái nhạc cục, Thánh Từ Thái nhạc cục và nhân viên xuy công, chi hậu xuy công..." (46). *Bia động Thiên Tôn* khắc trên vách đá động Thiên Tôn năm 1376. Động ở xã Đa Giá Hạ, tổng Đa Giá, huyện Gia Khánh, nay thuộc Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Trong bia có ghi tên quan chức là "Đồ đầu" (47) mà trong *DVSKTT* hay trong *Sử học bị khảo* của Đặng Xuân Bảng và *Từ điển quan chức Việt Nam* của Đỗ Văn Ninh không hề ghi chép về chức quan này.

Như vậy, tổ chức chính quyền địa phương thời Trần đã từng tồn tại các tên gọi: *phủ-lộ-trấn-châu, huyện, giáp-hương, giang, trường, trại, sách, kiêu, xã, trang*. Trong đó, có những tên gọi cho biết cùng cấp hành chính (trước 1397) như *phủ-lộ-trấn-châu; giáp-hương*. Những tên gọi *trại, sách* (48) dùng cho miền núi. *Giang*, dùng cho vùng ở dọc bờ sông (49).

Việc lựa chọn quan lại cho các cấp chính quyền địa phương được nhà Trần hết sức chú trọng. Cấp *phủ lộ, trấn, châu* thời gian đầu dùng người tôn thất cai quản, sau dùng người đỗ đạt cao, tuyển chọn qua thi cử. Ví dụ, phủ lộ Thanh Hóa, một vùng đất phen đậu của đất nước, lúc đầu nhà Trần cử người có vị trí quan trọng bậc nhất của triều đình cai quản, đó là Thống quốc Thái sư Trần Thủ Độ làm Tri phủ Thanh Hóa (năm 1234), nhưng đến năm 1250, triều đình đã cho Minh tự Lưu Miễn làm An phủ sứ phủ lộ Thanh Hoá (Lưu Miễn đỗ Đệ nhất giáp trong kỳ thi Thái học sinh năm 1239).

Cùng với việc thiết lập hệ thống quan chức các cấp, nhà Trần đã chú trọng đến quy định chế độ lương bổng cho tầng lớp quan liêu: "*Năm 1244. Mùa đông, tháng 10, định lương bổng của các quan làm việc trong ngoài và các quan túc vệ*" (50). Đến tháng 3 năm 1246, lại ra lệnh định rõ khoảng thời gian để thăng chức tước: "*Khảo duyệt các quan văn võ trong ngoài, cứ 15 năm một lần duyệt, định 10 năm thăng tước một cấp, 15 năm thăng chức một bậc*" (51).

Các chức quan ở trung ương là *quan trong*, các chức quan cấp địa phương là *quan ngoài*. Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* cho biết: "*Năm thứ 10 (1397) định các quan ngoài: ở lộ đặt An phủ sứ và Phó sứ, ở phủ đặt trấn phủ sứ và phó sứ, ở châu*

đặt thông phán, thêm phán, ở huyện đặt lệnh úy, chủ bạ. Lộ thì thống các phủ, phủ thống châu, châu thống huyện. Phàm những việc hộ tịch, tiền thóc, ngục tụng thì gồm lại làm sổ cả lộ, cuối năm báo lên sảnh để theo đó mà khảo xét. Lại đặt các đô đốc, đô hộ, đô thống, tổng quản phủ và thái thú ty" (52).

Tầng lớp quý tộc và tầng lớp quan liêu là hai dòng/hương được tuyển vào bộ máy nhà nước và là trụ cột của nhà nước trung ương tập quyền (53). Bộ máy quan liêu được tổ

chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. "Các chức quan trong, quan ngoài thời Trần đều có thống thuộc và các danh hiệu các quan có phần hay hơn triều Lý, nhưng về chức sự diễn cách thì đại lược cũng có tham chiếu theo trước. Trong khoảng 160 năm duy trì được chính trị giáo hoá, kể cũng là chế độ hay của một đời" (54).

Quá trình xây dựng và củng cố hệ thống chính quyền địa phương của nhà Trần đã góp phần xây dựng và củng cố nhà nước trung ương tập quyền.

CHÚ THÍCH

(1). Vũ Duy Mến: *Làng xã thời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 396, tháng 4- 2009, tr. 37.

(2). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Từ đây xin viết tắt là *Cương mục*), Tập 1, Nxb. Giáo dục, 1998, tr. 540, viết: "Nguyễn Khoái ... được ban cho một 'hương' (làng) gọi tên là Khoái lộ".

(3). Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr. 136-137.

(4). Viện Sử học: *Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - đầu thế kỷ XV*, Nxb. Khoa học xã hội (KHXH), Hà Nội, 2002, tr. 230.

(5). Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: *Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1971, tr.185.

(6). *Cương mục*, Tập I, sdd, tr. 463.

(7). *Cương mục*, Tập I, sdd, tr. 463.

(8). Nguyễn Trãi *Toàn tập*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1976, tr.552.

(9). Châu Ô: Là vùng đất từ đèo Lao Bảo đến lưu vực sông Thạch Hãn (nay là sông Quảng Trị) phía Nam tỉnh Quảng Trị. Châu Ó là vùng đất cũ của Vương quốc Champa.

(10). Châu Lý: Là vùng đất cũ của Vương quốc Champa. Ngày nay là tỉnh Thừa Thiên-Huế. Năm 1307, nhà Trần đổi châu Ó là Thuận châu và châu Lý là Hóa châu.

(11). Đào Duy Anh: *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1994, tr.124.

(12). Địa danh Nghệ An xuất hiện từ thời Lý. *Việt sử lược* chép: "Tháng Chạp năm Tân Tỵ (1101), đổi Hoan châu làm phủ Nghệ An" (*Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng phiên dịch và chú giải, Nxb. Thuận Hóa-Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr.109). *DVSKTT* cũng chép: "Tháng 4-1036. Đặt hành dinh ở châu Hoan, đổi tên châu ấy là Nghệ An" (*DVSKTT*, tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1972, tr. 213). Đến cuối đời Trần, năm Long Khánh thứ 3 (1375), đổi châu Diễn làm lộ Diễn châu, châu Hoan làm các lộ Nhật Nam, Nghệ An nam bắc trung (*DVSKTT*, tập II, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1971, tr.184). Đến năm 1397, đổi Nghệ An làm trấn Lâm An, Diễn châu làm trấn Vọng Giang.

(13). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục *Quan chức chí*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1992, tr.478.

(14). Tên gọi Quốc Oai (châu Quốc Oai) bắt đầu có từ thời Lý - năm 1207, thời Trần khoảng năm 1329-1314 (niên hiệu Khai Hựu) gọi là lộ Quốc Oai, không rõ năm nào đổi là trấn. Năm 1397 đổi là trấn Quảng Oai.

(15). *DVSKTT*, tập II, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1971, tr. 220.

(16). Sách *Cương mục* chép là hải trang Văn Đồn. Trang: tên gọi những nơi có phố xá buôn bán. Phẩm vật tập trung ở trang rồi mới tiêu thụ đi nơi khác (*Cương mục*, Tập I, add, tr. 621).

(17). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 152.

(18). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 18.

(19). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 20.

(20). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 27.

(21). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục Quan chức chí, add, tr. 478.

(22). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 220.

(23). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 220.

(24). Tác giả Phan Khoang trong bài: *Lược sử chế độ xã thôn ở Việt Nam - Chế độ xã thôn tự trị. Có nên giữ lại chế độ xã thôn tự trị không?*, Tập san Sử Địa, số 1-1966, Sài Gòn, tr. 37, đã viết: "Thời Trần, sự phân chia khu vực hành chính của triều trước được sửa đổi hoàn toàn, nước chia làm 12 lộ, lộ chia làm nhiều phủ hoặc châu chia làm nhiều xã". Tác giả đã có sự nhầm lẫn khi đưa ra hệ thống chính quyền thống thuộc như vậy. Ở thời Trần, cấp trấn, cấp giáp-hương tồn tại rất phổ biến nhưng không thấy tác giả nhắc đến.

(25). Đặng Xuân Bông: *Sử học bị khảo*, Viện Sử học-Nxb. Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 518.

(26). *DVSKTT*, tập II, add, tr.82.

(27). *Cương mục*, Chính biên, q.8, tr.26.

(28). Cao Hùng Trưng trong *An Nam chí nguyên* dẫn theo sách Ngụy Việt ngoại kỳ thì cấp hương được đặt ra vào năm 622, dưới thời Thứ sử Giao châu là Khâu Hoà, gồm có Đại hương và Tiểu hương, cũng trong năm này nhà Đường đổi Giao châu làm An nam Đô hộ phủ. Đến đời Đường Trinh Nguyên (786-805), viên Đô hộ Triệu Xương chỉ gọi là hương mà không dùng Đại hương và Tiểu hương. Đến thời Đường Hàm Thông (860-874), Cao Biền chia đặt 159 hương (Lời chú thích của hai dịch giả là: trong sách chép là "hương thuộc" có lẽ phân chia các xã sát nhập thành hương. Hương lúc ấy để to bằng một tổng). Niên

hiệu Khai Bình (907-911), nhà Lương, Tiết độ sứ là Khúc Hạo lại đổi hương làm giáp, đặt thêm 150, cộng với trước là 314 giáp. Thời Lý, Trần hoặc để như cũ hoặc đổi mới. Theo Phạm Trọng Diễm-Nguyễn Đồng Chí (dịch): *Một ít tài liệu lịch sử về An nam chí nguyên*, Tập san Nghiên cứu Văn Sử Địa, số 20, tháng 8-1956, tr. 60.

(29). *DVSKTT*, tập II, add, tr.23.

(30). *DVSKTT*, tập II, add, tr.34.

(31). Trương Hữu Quỳnh (chủ biên)-Phan Đại Doãn-Nguyễn Cảnh Minh: *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb. Giáo Dục. Hà Nội, 1998, tr.182.

(32). Xem: Phạm Thị Thoa: *Thử tìm hiểu địa danh Bình Hợp*, Tạp chí Nghiên cứu Hán Nôm, số 2 - 1990, tr. 43.

(33). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, add, tr.181.

(34). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, add, tr.182. Cấp hương thời Trần, theo sách *Đại cương lịch sử Việt Nam* phần viết của GS. Phan Đại Doãn, có chú thích rằng: "có thể tương ứng như huyện" (tr. 182). Cũng trong phần này, GS. Phan Đại Doãn cho rằng: Sách bay hương thời Trần khá lớn (tương đương với tổng thời Nguyễn sau này).

(35). Xem: Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm: *Bài minh trên chuông Thông Thánh quán và một số vấn đề về lịch sử đời Trần*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (NCLS), số 88-1966, tr. 25-32; *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, quyển Thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989, tr.630.

(36). *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, quyển Thượng, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1989, tr.638.

(37). Nguyễn Đình Chiểu-Ngô Thế Long: *Tám bia đời Trần Dụ Tông mới phát hiện ở Hà Tuyên*, Tạp chí Khảo cổ học, số 3-1979, tr.69.

(38). *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, add, tr.181.

(39). Bài minh khắc trên Chuông chùa Sùng Quang lần đầu tiên được Lê Quý Đôn nhắc đến trong *Kiến văn tiểu lục*, mục Thiên chương loại.

Sau Lê Quý Đôn, chưa có một công trình nào nhắc tới bài minh này. Lê Quý Đôn khẳng định là "chuông đã mất". Nhưng bài minh khắc trên chuông đã được sao chép trong một sưu tập văn bia có tên là *Kim văn loại tự*, hiện có ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.1059. Các địa danh xã Y Lan, kiểu Ma Lăng, núi Trung Sơn trong bia, chưa xác định được rõ ở nơi nào. Xem: Hoàng Văn Lâu: *Chuông chùa Sùng Quang*, trong: *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập II, Thời Trần, quyển Thượng, National Chung Cheng University Chia Yi-Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội- 2002, tr. 133.

(40). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, mục Quan chức chí, add, tr. 478.

(41). *DVSKTT*, tập II, add, tr. 220.

(42). ở Láng Thượng, Láng Trung, cho đến thời Cận đại (đầu thế kỷ XX) vẫn có chức Toát (Già làng).

(43). *DVSKTT*, tập II, add, tr.19.

(44). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, add, tr.479.

(45). *DVSKTT*, tập II, add, tr.220.

(46). Nguyễn Thị Phương: *Bia xã Ngọc Đình (Ngọc Đình xã bi)*, trong: *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập II, Thời Trần, tập Hạ, National Chung Cheng University Chia Yi - Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2002, tr. 575.

(47). Lâm Giang: *Bia động Thiên Tôn*, trong: *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, Tập II, Thời Trần, tập Hạ, add, tr. 589.

(48). Đơn vị "sách", nguồn gốc của Sách trong sách *Tân đính Linh Nam chích quái* chép như sau: Vào đời vua Hùng vương thứ Chín, dùng cây nứa để xác định mốc giới ở các sân vườn của các con.

"Còn hăm một con trai khác cho làm quan nơi phen giậu giúp vua ở các nơi. Sau này, gié như có con nào có ý tranh ngôi trường thì đã có các cây nứa vua cha sai cắm ở các sân vườn từng người rồi" (*Tân đính Linh Nam chích quái*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993, tr. 102). Phần Chú thích của sách giải thích rõ hơn "Cây nứa: đây là một dị khẩu về tích cây nứa ngày Tết, khác với tích cây nứa, nói là làm dấu chông ma quỷ xâm phạm đất Phật đã chia cho người. Có lẽ ý về tôn giáo là ý về sau. Cây nứa vua cha chia địa phận cho các con chính là các sách bằng gỗ (mộc sách) mà Trần Thế Pháp nêu lên ở phần kết câu chuyện. Về sau "sách" trở thành một đơn vị hành chính ở miền núi. Chữ "sách" (một bên bộ mộc, một bên chữ sách) có nghĩa là cái cọc bờ rào.

(49). Thời Lê, những xóm làng ở ven sông ven biển chuyên nghề chài lưới gọi là vạn. Những tên gọi khác có thể kể đến như xã, thôn, trang, động, sách, trại, sò, phường. Trang, động, sách, trại là những làng ở miền núi; phường là khu các nhà cùng làm một nghề ở quy tụ với nhau.

(50). *DVSKTT*, tập II, add, tr.20.

(51). *DVSKTT*, tập II, add, tr.21.

(52). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, add, tr.445.

(53). Xem thêm: Nguyễn Hồng Phong: *Về chế độ quân chủ quý tộc thời Trần*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4-1986, tr. 26-35; Nguyễn Hồng Phong: *Văn hoá chính trị Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về phát triển và Nxb. Văn hoá-Thông tin, Hà Nội, 1998.

(54). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập I, add, tr.446; Xem thêm: Trần Thị Vinh: *Tìm hiểu thiết chế và tổ chức nhà nước thời Trần*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 & 4 - 1988, tr. 21-25.